

Bản tin Phân tích kỹ thuật

17/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hợp đồng 4111FB000 đóng cửa với tín hiệu giảm điểm, đà giảm không bị đối trọng quanh vùng giá thấp cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn còn. (M15)
- Vị thế bán được mở quanh 1.973 điểm với dự báo kiểm định lại vùng giá quanh MA200 (vùng 1950 điểm) và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 1.980 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Bán (S): 1.973 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.954 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.980 điểm

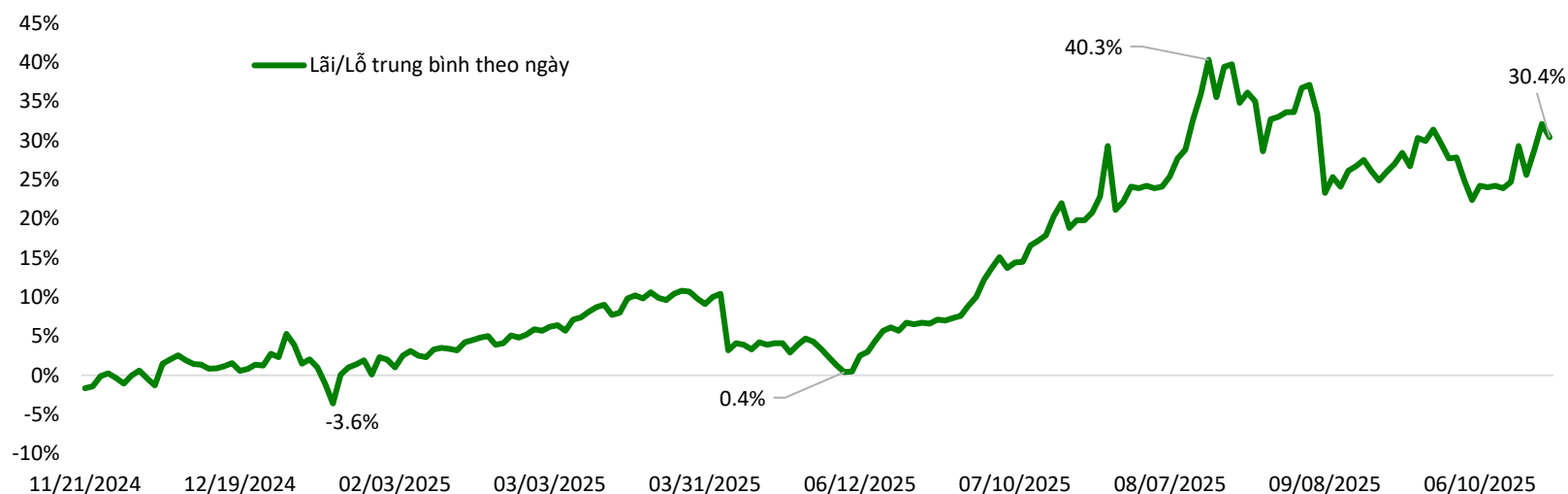
Quan điểm kỹ thuật



- Áp lực bán trên diện rộng xuất hiện khi VN-Index tiếp cận vùng trên của biên độ 1.745-1.775 điểm. Khối lượng giao dịch cao hơn 12% vs phiên 16/10 cho thấy lực cung có phần gia tăng. Chỉ số VN30 diễn biến tương đồng về giá lẫn thanh khoản. Trong ngắn hạn, tín hiệu kỹ thuật trên tất cả các rổ chỉ số chưa thay đổi so với phiên 16/07.
- Về hoạt động giao dịch, các nhóm ngành như Ngân hàng, Chứng khoán, Dầu khí, Công nghiệp có áp lực bán tăng trên diện rộng cổ phiếu thành phần. Về xu hướng, phiên giảm 17/10 tác động mạnh lên cấu trúc kỹ thuật ở nhóm Ngân hàng, khiến nhiều cổ phiếu mất tín hiệu Tích cực có được trong giai đoạn tăng 08-13/10. Ngược lại, cổ phiếu Bất động sản ít bị tác động về xu hướng.
- Chỉ số VN-Index vi phạm cận dưới của biên độ 1.745-1.775 điểm cho thấy áp lực bán đang lấn át trong ngắn hạn. Kháng cự trong phiên tiếp theo là vùng 1.745 điểm và khả năng cao hoạt động hồi phục trong ngày sẽ gặp cản trở tại đây. Nếu hoạt động bán tiếp tục gia tăng quanh kháng cự, thể hiện qua động thái giảm điểm với thanh khoản cao về cuối ngày, chỉ số VN-Index sẽ chịu giai đoạn điều chỉnh kéo dài và mục tiêu tiếp theo là vùng 1.690-1.700 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
HPG	25/09/2025		Đang mở	28,000	29,050	-3.6%	27,600	31,800		
NLG	13/10/2025		Đang mở	38,650	36,000	7.4%	33,000	43,500	36,000	
HDG	13/10/2025		Đang mở	34,550	32,000	8.0%	30,900	35,200	32,000	38,000
VND	17/10/2025		Đang mở	23,550	23,500	0.2%	22,000	27,000		
SSI	17/10/2025		Đang mở	40,800	41,000	-0.5%	39,500	47,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	204,000	-4.27%	6.25%	786,015	-8.010	3,487	5.5	58.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	116,000	-4.92%	-5.69%	476,460	-5.592	6,984	2.2	16.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	31,950	-3.77%	-0.47%	253,489	-2.278	2,603	1.7	12.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	52,200	-2.97%	-4.67%	280,314	-1.989	5,608	1.7	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	61,900	-1.59%	-3.58%	517,216	-1.962	4,148	2.4	14.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPL	79,000	-3.78%	-11.24%	141,671	-1.277	1,464	4.5	54.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
LPB	49,500	-3.51%	-4.07%	147,870	-1.238	3,324	3.6	14.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	41,000	-5.53%	1.61%	93,165	-1.229	1,937	2.1	21.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	39,050	-1.76%	-4.16%	274,184	-1.152	3,683	1.7	10.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VNM	58,800	-3.92%	-1.35%	122,889	-1.150	4,101	3.9	14.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	40,650	-1.45%	3.30%	288,056	-1.000	3,017	1.8	13.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	32,500	-2.69%	2.04%	124,941	-0.803	4,088	2.0	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	61,500	-5.96%	10.02%	55,498	-0.790	1,736	3.8	35.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	88,100	-1.89%	-8.32%	150,079	-0.678	5,092	4.5	17.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	25,750	-2.09%	-4.45%	132,269	-0.660	3,305	1.5	7.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	172,700	10.00%	15.44%	34,540	2.245	7,830	8.7	22.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HUT	17,300	-2.26%	0.00%	18,481	-0.271	175	2.2	99.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBS	33,100	-1.78%	-5.16%	21,803	-0.252	1,682	3.1	19.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
KSF	89,300	-0.45%	2.64%	80,351	-0.233	4,851	6.8	18.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	30,400	-2.25%	-7.32%	14,530	-0.213	2,644	1.0	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	66,600	2.30%	4.72%	11,391	0.171	5,384	3.0	12.4	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	36,200	-1.90%	-4.99%	13,738	-0.169	3,977	2.4	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	15,100	1.34%	2.03%	17,737	0.155	-5,056	2.7	-3.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DNP	20,000	5.26%	5.26%	2,819	0.096	451	1.3	44.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	12,000	-1.64%	-2.44%	8,193	-0.087	1,131	0.9	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DNH	55,000	14.35%	14.35%	23,232	1.138	2,587	4.5	21.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MCH	145,600	-1.49%	1.04%	154,725	-0.786	9,003	9.2	16.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	52,700	-0.75%	-4.87%	189,448	-0.487	2,751	3.0	19.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	41,000	13.26%	-6.18%	8,610	0.390	-103	5.5	-398.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
MVN	49,000	-1.80%	-5.77%	58,164	-0.358	1,312	4.4	36.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	28,800	-3.03%	9.51%	32,034	-0.331	-707	2.7	-41.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	65,300	0.46%	-4.95%	198,718	0.313	1,913	5.3	34.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGB	13,800	5.53%	6.78%	13,823	0.261	687	2.2	20.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VFC	96,400	16.43%	-1.03%	3,258	0.183	981	4.9	98.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PAP	26,300	8.68%	5.20%	6,031	0.179	-1,137	2.7	-22.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

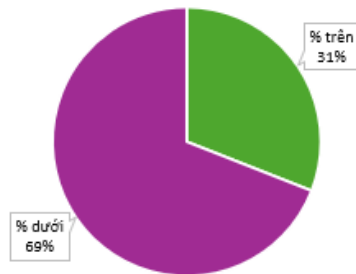
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VJC	175,000	0.9%	537.7	317.1	79,100	173,500	4.4	51.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	182,000	2.6%	136.2	112.2	22,606	177,400	8.9	20.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CII	30,350	1.2%	986.4	766.4	9,015	30,300	2.3	384.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CEO	31,900	0.3%	665.1	517.8	9,810	31,800	3.0	90.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	161,000	7.0%	102.6	15.5	102,155	152,600	4.2	11.0	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTS	44,900	0.9%	172.4	98.2	21,329	44,850	3.8	24.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DDV	35,000	4.8%	133.9	30.8	13,553	34,900	2.4	9.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	48,000	5.0%	7.6	2.2	13,591	46,600	2.4	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FPT	88,100	-1.9%	751.1	1025.8	89,600	133,039	4.5	17.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PPC	10,250	-1.9%	7.3	3.8	10,400	12,800	0.7	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

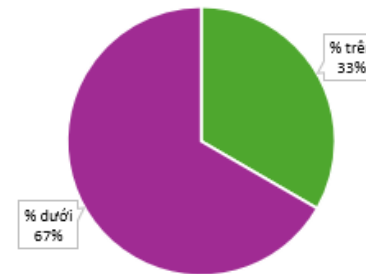
KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TDM	58,000	0.0%	8.7	0.7	46,367	60,000	2.5	24.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VSH	45,550	6.9%	25.9	1.4	42,600	52,332	2.2	13.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPS	13,200	6.9%	9.0	0.6	7,628	13,300	1.0	14.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	161,000	7.0%	102.6	15.5	102,155	152,600	4.2	11.0	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	20,300	6.8%	136.2	27.7	12,300	22,450	1.4	-103.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

MA20



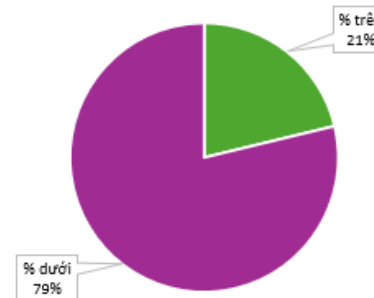
MA50



MA200



MA20, 50, 200



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			17/10/2025	16/10/2025	15/10/2025	14/10/2025	13/10/2025	10/10/2025	09/10/2025	08/10/2025	07/10/2025	06/10/2025
VNINDEX	MA200	Trên	55%	58%	56%	59%	62%	62%	63%	62%	61%	63%
		Dưới	45%	42%	44%	41%	38%	38%	37%	38%	39%	37%
	MA50	Trên	32%	35%	32%	32%	35%	39%	38%	38%	37%	39%
		Dưới	68%	65%	68%	68%	65%	61%	62%	62%	63%	61%
	MA20	Trên	29%	34%	28%	27%	34%	36%	34%	32%	29%	37%
		Dưới	71%	66%	72%	73%	66%	64%	66%	68%	71%	63%
VN30	MA200	Trên	73%	73%	73%	77%	77%	77%	77%	77%	77%	77%
		Dưới	27%	27%	27%	23%	23%	23%	23%	23%	23%	23%
	MA50	Trên	47%	57%	60%	60%	60%	67%	63%	63%	63%	67%
		Dưới	53%	43%	40%	40%	40%	33%	37%	37%	37%	33%
	MA20	Trên	47%	67%	67%	60%	77%	70%	70%	57%	50%	70%
		Dưới	53%	33%	33%	40%	23%	30%	30%	43%	50%	30%
HNX	MA200	Trên	50%	51%	53%	53%	54%	56%	55%	55%	55%	56%
		Dưới	50%	49%	47%	47%	46%	44%	45%	45%	45%	44%
	MA50	Trên	34%	36%	35%	37%	36%	36%	38%	38%	37%	41%
		Dưới	66%	64%	65%	63%	64%	64%	62%	62%	63%	59%
	MA20	Trên	50%	51%	53%	53%	54%	56%	55%	55%	55%	56%
		Dưới	50%	49%	47%	47%	46%	44%	45%	45%	45%	44%
UPCOM	MA200	Trên	31%	29%	29%	31%	34%	34%	34%	35%	33%	35%
		Dưới	69%	71%	71%	69%	66%	66%	66%	65%	67%	65%
	MA50	Trên	34%	34%	34%	34%	36%	36%	36%	36%	35%	36%
		Dưới	66%	66%	66%	66%	64%	64%	64%	64%	65%	64%
	MA20	Trên	42%	43%	43%	44%	44%	45%	45%	45%	45%	45%
		Dưới	58%	57%	57%	56%	56%	55%	55%	55%	55%	55%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 10												Tháng 9							
		17 +	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	30	29	26	25	24	23	22
1	Bất động sản	82	78	74	74	72	67	62	61	61	55	54	59	64	68	69	72	70	67	65	63
2	Ngân hàng	68	74	73	74	77	77	74	71	73	65	59	59	58	58	57	63	64	61	54	54
3	Bán lẻ	61	63	62	61	62	63	59	55	53	42	37	39	42	40	43	51	55	51	47	54
4	Dịch vụ tài chính	60	60	59	60	62	61	62	63	63	51	44	49	50	48	48	60	61	57	51	54
5	Xây dựng và Vật liệu	59	55	55	58	62	63	62	63	62	56	56	59	62	66	70	75	74	67	61	60
6	Y tế	57	60	61	63	67	72	62	62	58	56	56	58	63	63	66	67	70	67	62	60
7	Du lịch và Giải trí	53	56	58	58	59	54	54	55	45	40	38	47	47	45	43	44	44	44	46	46
8	Thực phẩm và đồ uống...	52	53	54	56	61	61	62	60	61	57	53	56	55	52	52	59	60	59	56	58
9	Tài nguyên Cơ bản	50	51	52	52	56	59	58	59	61	58	57	55	58	64	68	71	73	72	69	69
10	Hàng & Dịch vụ Côn...	43	44	44	41	43	46	47	47	50	45	41	42	43	45	43	52	51	48	47	48
11	Dầu khí	37	37	30	33	37	46	41	34	36	31	33	35	35	44	48	51	49	46	43	42
12	Điện, nước & xăng d...	35	36	36	39	41	43	44	44	45	45	45	48	50	50	52	55	56	54	57	56
13	Bảo hiểm	35	35	36	37	42	47	50	51	56	51	52	54	59	54	52	50	44	43	44	47
14	Ô tô và phụ tùng	32	34	32	34	37	40	41	40	40	38	38	40	39	40	42	48	49	47	45	46
15	Hóa chất	29	30	32	34	39	40	37	35	36	34	34	38	38	40	43	48	49	44	43	42
16	Hàng cá nhân & Gia ...	29	28	27	28	32	33	31	31	33	26	25	26	28	32	35	40	41	45	47	57
17	Công nghệ Thông tin	14	16	18	21	24	29	30	29	31	29	29	28	30	35	36	46	52	50	51	54

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSN	88,000	-0.2%	4.6%	127,241	3.9	47.3	1,860	2,975.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MWG	84,500	0.0%	3.0%	124,930	4.2	25.6	3,304	838.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	175,000	0.9%	31.3%	103,532	4.4	51.1	3,427	537.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	182,000	2.6%	26.6%	66,612	8.9	20.0	9,095	136.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	61,500	-6.0%	10.0%	55,498	3.8	35.4	1,736	1,705.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	16,600	2.2%	6.4%	33,990	0.9	195.7	85	539.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PNJ	90,100	-2.2%	6.0%	30,738	2.6	14.7	6,115	130.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PDR	26,000	-1.1%	9.9%	25,475	2.2	147.2	177	715.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	27,400	0.4%	3.4%	24,645	2.1	18.0	1,520	860.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DXG	22,600	0.7%	9.2%	23,027	1.9	64.6	350	1,233.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DIG	24,600	0.0%	15.0%	19,592	2.5	117.0	210	597.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CII	30,350	1.2%	13.2%	18,967	2.3	384.2	79	986.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NLG	38,650	0.3%	4.5%	18,753	1.9	22.6	1,707	188.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
CEO	31,900	0.3%	20.8%	18,101	3.0	90.0	354	665.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	13,300	3.1%	3.9%	13,869	0.9	10.9	1,228	122.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	161,000	7.0%	12.2%	13,180	4.2	11.0	14,639	102.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	66,600	2.3%	4.7%	11,391	3.0	12.4	5,384	61.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTS	44,900	0.9%	5.5%	9,550	3.8	24.3	1,846	172.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDC	41,000	-2.4%	11.3%	7,313	2.6	12.0	3,424	237.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ORS	15,500	-3.4%	6.9%	5,208	1.4	57.4	270	100.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	52,700	-0.8%	-4.9%	189,448	3.0	19.2	2,751	35.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	88,100	-1.9%	-8.3%	150,079	4.5	17.3	5,092	751.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	58,600	-0.2%	-3.8%	141,399	2.1	11.7	5,002	18.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	10,500	-1.9%	-6.3%	10,847	1.0	36.3	289	7.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	55,300	-0.7%	-3.8%	5,247	3.9	7.9	7,004	12.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PPC	10,250	-1.9%	-3.8%	3,286	0.7	14.6	703	7.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HBC	6,500	-4.4%	-9.7%	2,298	1.3	12.3	539	21.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	31,800	-1.2%	-7.6%	2,147	1.7	29.9	1,065	7.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAX	10,700	0.5%	-11.9%	1,150	1.1	183.7	58	13.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AAH	3,700	-2.6%	-7.5%	443	0.4	19.5	192	10.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	65,300	0.5%	-4.9%	198,718	5.3	34.1	1,913	18.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	79,000	-3.8%	-11.2%	141,671	4.5	54.0	1,464	47.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
SAB	45,250	0.1%	-1.3%	58,036	2.7	14.2	3,185	37.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	18,450	-2.9%	-5.1%	52,490	1.3	7.6	2,416	51.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BVH	50,500	-1.8%	-7.3%	37,487	1.6	15.4	3,278	16.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	62,900	-1.4%	-3.5%	34,070	1.7	14.2	4,417	44.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VGC	50,000	-5.1%	-7.2%	22,418	2.5	16.2	3,090	155.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DCM	33,800	-2.3%	-7.4%	17,894	1.8	10.6	3,186	113.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	30,400	-2.3%	-7.3%	14,530	1.0	11.5	2,644	91.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	36,200	-1.9%	-5.0%	13,738	2.4	9.1	3,977	156.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
IDC	36,200	-1.90%	-4.99%	56,100	52.0%	3,977	2.4	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	52,700	-0.75%	-4.87%	74,300	39.9%	2,751	3.0	19.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	33,900	-0.88%	4.47%	47,100	37.7%	716	2.2	47.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SIP	53,600	-0.74%	-3.42%	73,900	36.9%	5,215	2.8	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	31,800	-1.24%	-7.56%	43,900	36.3%	1,065	1.7	29.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	88,100	-1.89%	-8.32%	121,200	35.0%	5,092	4.5	17.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	19,000	-2.31%	-1.53%	26,200	34.7%	1,579	1.0	12.0	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DCM	33,800	-2.31%	-7.40%	46,600	34.7%	3,186	1.8	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	30,400	-2.25%	-7.32%	41,600	33.8%	2,644	1.0	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	23,250	-0.43%	-5.30%	31,100	33.2%	1,189	1.5	19.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	93,200	-1.89%	-1.17%	126,000	32.6%	8,175	2.4	11.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	32,500	0.00%	-3.56%	42,400	30.5%	1,978	1.9	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	58,600	-0.17%	-3.78%	76,100	29.6%	5,002	2.1	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,450	-0.14%	-1.53%	45,800	29.0%	2,940	1.3	12.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	45,250	0.11%	-1.31%	58,000	28.3%	3,185	2.7	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PHR	52,300	-1.88%	-4.04%	67,400	26.5%	3,756	1.9	13.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	28,000	-0.88%	-5.41%	35,300	25.0%	1,750	1.8	16.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
OIL	10,500	-1.87%	-6.25%	13,300	24.3%	289	1.0	36.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	50,000	-5.12%	-7.24%	65,300	23.9%	3,090	2.5	16.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VCB	61,900	-1.59%	-3.58%	77,600	23.4%	4,148	2.4	14.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn